

Phương tiện truyền thông bằng tiếng Đức

171 từ, từ cơ bản đến nâng cao.

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
1	der Standpunkt B2 <i>/de:ɡ ˈʃtant,pʊŋkt/</i> số nhiều die Standpunkte	Quan điểm	B1–B2
2	die Frage A1 <i>/di: ˈfʁa:gə/</i> số nhiều die Fragen	Câu hỏi	A1–A2
3	der Auslandskorrespondent B2 <i>/de:ɡ ˈaʊslantskɔʁɛspɔndənt/</i> số nhiều die Auslandskorrespondenten	Phóng viên nước ngoài	C1
4	Öffentlich-rechtliche Medien B2 <i>/'œfɐntliç ˈʁɛçtliçə ˈme:diən/</i> das · số nhiều die öffentlich-rechtlichen Medien	Phương tiện truyền thông công cộng	C1
5	die Quellenprüfung C1 <i>/di: ˈkvɛlən,pʁy:fʊŋ/</i> số nhiều die Quellenprüfungen	Kiểm tra nguồn	C1
6	das Medienrecht C1 <i>/das ˈme:diən,ʁɛçt/</i>	Luật truyền thông	C1
7	die Informationssperre C1 <i>/di: ʔɪnfɔʁmaˈtʃjo:ns,ʃpɛʁə/</i> số nhiều die Informationssperren	Lệnh phong tỏa thông tin	C1
8	die Meinungsmache C1 <i>/di: ˈmaɪnʊŋs,maxə/</i>	Thao túng dư luận	C1
9	Analytischer Beitrag C1 <i>/anaˈly:tɪʃə ˈbaɪ̯,tʁə:k/</i> der · số nhiều die analytischen Beiträge	Bài phân tích	C1
10	die Einschaltquote B2 <i>/di: ˈʔaɪ̯nʃalt,kvo:tə/</i> số nhiều die Einschaltquoten	Tỷ suất người xem	C1
11	die Zuschauerquote B2 <i>/di: ˈtsu:ʃaʒə,kvo:tə/</i> số nhiều die Zuschauerquoten	thị phần khán giả	C1
12	das Feuilleton C1 <i>/das fœjəˈtɔ:/</i> số nhiều die Feuilletons	Feuilleton	C1
13	die Glosse C1 <i>/di: ˈɡlɔsə/</i> số nhiều die Glossen	Bài bình luận châm biếm	C1
14	das Leitmedium C1 <i>/das ˈlaɪt,me:diʊm/</i> số nhiều die Leitmedien	Phương tiện truyền thông hàng đầu	C1
15	die Sensationspresse C1 <i>/di: zɛnzaˈtʃjo:ns,pʁɛsə/</i>	Báo chí giật gân	C1

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
16	der Bildschirm A2 <i>/de:ɐ̯ ˈbɪltʃrɪm/</i> số nhiều die Bildschirme	Mặt màn hình	A1–A2
17	das Programm A1 <i>/das pʁoˈɡʁam/</i> số nhiều die Programme	Chương trình	A1–A2
18	das Persönlichkeitsrecht C1 <i>/das pɛʁˈzøːnlɪçkaɪtsˌʁɛçt/</i> số nhiều die Persönlichkeitsrechte	Quyền cá nhân	C1
19	die Trollfabrik C1 <i>/diː ˈtʁɔlfabʁiːk/</i> số nhiều die Trollfabriken	Nhà máy Troll	C1
20	der Investigativjournalismus C1 <i>/de:ɐ̯ ɪnvestɪɡaˈtiːfʒʊʁnaˌlɪsmʊs/</i>	Báo chí điều tra	C1
21	der Artikel A2 <i>/de:ɐ̯ aʁˈtiːkəl/</i> số nhiều die Artikel	Bài báo	A1–A2
22	die Echo-Kammer C1 <i>/diː ˈʔɛçoˌkame/</i> số nhiều die Echo-Kammern	Phòng vang	C1
23	Digitale Ethik C1 <i>/digiˈtaːlə ˈʔeːtɪk/</i> die	Đạo đức số	C1
24	die Medienethik C1 <i>/diː ˈmeːdʲənˌʔeːtɪk/</i>	Đạo đức truyền thông	C1
25	das Medienmonopol C1 <i>/das ˈmeːdʲənmonoˌpoːl/</i> số nhiều die Medienmonopole	Độc quyền truyền thông	C1
26	die Werbung A2 <i>/diː ˈvɛʁbʊŋ/</i>	Hoạt động quảng cáo	B1–B2
27	die Agenturmeldung C1 <i>/diː aɡenˈtuːɐ̯ˌmɛldʊŋ/</i> số nhiều die Agenturmeldungen	Bản tin của hãng thông tấn	C1
28	das Magazin A2 <i>/das magaˈtʰsiːn/</i> số nhiều die Magazine	Tạp chí	A1–A2
29	der Livestream B1 <i>/de:ɐ̯ ˈlaɪfˌstʁiːm/</i> số nhiều die Livestreams	Phát trực tiếp	B1–B2
30	die Zeitung A1 <i>/diː ˈtsaɪtʊŋ/</i> số nhiều die Zeitungen	Báo	A1–A2
31	der Journalist A2 <i>/de:ɐ̯ ʒʊʁnaˈlɪst/</i> số nhiều die Journalisten	Nhà báo	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
32	der Wetterbericht A2 <i>/de:ɐ̯ ˈvɛtɐbɐ̯,ʁɪçt/</i> số nhiều die Wetterberichte	Bản tin thời tiết	A1–A2
33	der Bürgerjournalismus C1 <i>/de:ɐ̯ ˈbʏʁɐ̯ʒəʒʊna,lɪsmʊs/</i>	Báo chí công dân	C1
34	der Streamingdienst B1 <i>/de:ɐ̯ ˈstʁi:mɪŋ,di:nst/</i> số nhiều die Streamingdienste	Dịch vụ phát trực tuyến	B1–B2
35	das Copyediting C2 <i>/das ˈkɔpi,ʔɛdɪtɪŋ/</i>	Biên tập bản thảo	C1
36	der Moderator B1 <i>/de:ɐ̯ modeˈʁa:to:ɐ̯/</i> số nhiều die Moderatoren	Người điều hành	B1–B2
37	die Webseite A2 <i>/di: ˈvɛp,zartə/</i> số nhiều die Webseiten	Trang web	A1–A2
38	die Sendeleitung C1 <i>/di: ˈzɛndə,ləɪtʊŋ/</i> số nhiều die Sendeleitungen	Ban chỉ đạo phát sóng	C1
39	die Tonmischung C1 <i>/di: ˈto:n,mɪʃʊŋ/</i> số nhiều die Tonmischungen	Trộn âm thanh	C1
40	die Drohnenaufnahme B2 <i>/di: ˈdʁo:nən,ʔaʊfna:mə/</i> số nhiều die Drohnenaufnahmen	Cảnh quay bằng máy bay không người lái	C1
41	Nutzergenerierter Inhalt C1 <i>/ˈnʊtʁɛɡenɐ,ʁi:ɛtə ˈʔɪn,halt/</i> der · số nhiều die nutzergenerierten Inhalte	Nội dung do người dùng tạo	C1
42	der Algorithmus-Feed C1 <i>/de:ɐ̯ algoˈʁɪtmʊs,fi:t/</i> số nhiều die Algorithmus-Feeds	Nguồn cấp thuật toán	C1
43	die Pressesubventionen C1 <i>/di: ˈpʁɛsəʒʊpven,tʃjɔ:nən/</i>	Trợ cấp báo chí	C1
44	der Konzentrationsbericht C2 <i>/de:ɐ̯ kɔntʁɛntʁaˈtʃjɔ:nsbə,ʁɪçt/</i> số nhiều die Konzentrationsberichte	Báo cáo mức độ tập trung sở hữu truyền thông	C1
45	die Nachrichten A2 <i>/di: ˈna:x,ʁɪçtɐ/</i>	Tin tức	A1–A2
46	die Kamera A1 <i>/di: ˈkaməʁa/</i> số nhiều die Kameras	Máy ảnh	A1–A2
47	das Radio A1 <i>/das ˈʁa:djo/</i> số nhiều die Radios	Máy thu thanh	A1–A2
48	das Fernsehen A1 <i>/das ˈfɛʁn,zɛ:ən/</i>	truyền hình	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
49	der Text A1 <i>/de:ɡ ˈtɛkst/</i> số nhiều die Texte	Văn bản	A1–A2
50	das Foto A1 <i>/das ˈfo:to/</i> số nhiều die Fotos	Ảnh	A1–A2
51	die Forenmoderation C1 <i>/di: ˈfo:ʁənmodeʁa,tʃjo:n/</i> số nhiều die Forenmoderationen	Điều hành diễn đàn	C1
52	der Werbespot B1 <i>/de:ɡ ˈvɛʁbə,spɔt/</i> số nhiều die Werbespots	Quảng cáo truyền hình	B1–B2
53	die Antwort A1 <i>/di: ˈantvɔʁt/</i> số nhiều die Antworten	Câu trả lời	A1–A2
54	das Investigativteam C1 <i>/das ɪnveʃtiɡaˈti:f,tɪ:m/</i> số nhiều die Investigativteams	Đội điều tra	C1
55	der Datenjournalismus C1 <i>/de:ɡ ˈda:tənʒʊʁna,lɪsmʊs/</i>	Báo chí dữ liệu	C1
56	die Anzeige A2 <i>/di: ˈan,tʃaɪɡə/</i> số nhiều die Anzeigen	Mẫu quảng cáo đăng	B1–B2
57	der Redakteur B1 <i>/de:ɡ ʁedakˈtø:ʁ/</i> số nhiều die Redakteure	Biên tập viên tòa soạn	B1–B2
58	Quote B2 <i>/ˈkvo:tə/</i> die · số nhiều die Quoten	Lượng người xem	B1–B2
59	die Desinformation C1 <i>/di: dɛsʔɪnfɔʁmaˈtʃjo:n/</i> số nhiều die Desinformationen	Thông tin sai lệch	B1–B2
60	die Meldung B1 <i>/di: ˈmɛldʊŋ/</i> số nhiều die Meldungen	Mẫu tin ngắn	B1–B2
61	die Eilmeldung B2 <i>/di: ˈʔaɪl,mɛldʊŋ/</i> số nhiều die Eilmeldungen	Tin tức nóng hổi	B1–B2
62	die Pressekonferenz B1 <i>/di: ˈpʁɛsəkɔnfɐ,ʁɛnts/</i> số nhiều die Pressekonferenzen	Họp báo	B1–B2
63	die Pressemitteilung B2 <i>/di: ˈpʁɛsə,mɪttaɪlʊŋ/</i> số nhiều die Pressemitteilungen	Thông cáo báo chí	B1–B2
64	der Korrespondent B2 <i>/de:ɡ kɔʁɛspɔnˈdɛnt/</i> số nhiều die Korrespondenten	Phóng viên thường trú	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
65	die Redaktion B2 <i>/di: ʁedak'tsjo:n/</i> số nhiều die Redaktionen	Ban biên tập	B1–B2
66	der Chefredakteur B2 <i>/de:ɐ̯ ˈʃɛʁʁedak,tø:ɐ̯/</i> số nhiều die Chefredakteure	Tổng biên tập	B1–B2
67	das AR-Element C1 <i>/das ,a:ˈʔɛʁ ʔele,mɛnt/</i> số nhiều die AR-Elemente	Yếu tố AR	C1
68	die VR-Reportage C1 <i>/di: faʁˈʔɛʁʁepɔʁʁ,tə:ʒə/</i> số nhiều die VR-Reportagen	Phóng sự thực tế ảo	C1
69	Corporate Media C1 <i>/ˈkɔ:ɐ̯pəʁət ˈmi:diə/</i> die	Truyền thông doanh nghiệp	C1
70	Stiftungsfinanzierte Medien C1 <i>/ˈʃtɪftʊŋsfina,nʦi:ɐ̯tə ˈme:djən/</i> das · số nhiều die stiftungsfinanzierten Medien	Phương tiện truyền thông được tài trợ bởi quỹ	C1
71	die Regie B2 <i>/di: ʁeˈʒi:/</i>	Sự đạo diễn	B1–B2
72	der Leser A2 <i>/de:ɐ̯ ˈle:ze/</i> số nhiều die Leser	Người đọc	A1–A2
73	der Kommentar B1 <i>/de:ɐ̯ kɔmɛnˈta:ɐ̯/</i> số nhiều die Kommentare	Bình luận	A1–A2
74	der Follower B1 <i>/de:ɐ̯ ˈfɔlɔɐ̯/</i> số nhiều die Follower	Người theo dõi	A1–A2
75	der Verlag B1 <i>/de:ɐ̯ fɛɐ̯ˈla:k/</i> số nhiều die Verlage	Nhà xuất bản	B1–B2
76	der Verleger B2 <i>/de:ɐ̯ fɛɐ̯ˈle:ɐ̯/</i> số nhiều die Verleger	Người xuất bản	B1–B2
77	der Kanal B1 <i>/de:ɐ̯ kaˈna:l/</i> số nhiều die Kanäle	Kênh	A1–A2
78	das Interview A2 <i>/das ˈʔintɛvju:/</i> số nhiều die Interviews	Phỏng vấn	A1–A2
79	das Plakat A2 <i>/das plaˈka:t/</i> số nhiều die Plakate	Áp phích	A1–A2
80	das Abo A2 <i>/das ˈʔabo/</i> số nhiều die Abos	Gói đăng ký	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
81	das Nachrichtenportal B2 <i>/das 'na:xʁɪçtənɔʁ,ta:l/</i> số nhiều die Nachrichtenportale	Cổng thông tin tin tức	B1-B2
82	die Nachrichtenagentur B2 <i>/di: 'na:xʁɪçtəʔagen,tu:ɐ/</i> số nhiều die Nachrichtenagenturen	Hãng thông tấn	B1-B2
83	der Bericht B1 <i>/de:ɐ̯ bə'ʁɪçt/</i> số nhiều die Berichte	Bản báo cáo	B1-B2
84	der Sender B1 <i>/de:ɐ̯ 'zɛnde/</i> số nhiều die Sender	Đài truyền hình	A1-A2
85	der Cartoon B2 <i>/de:ɐ̯ kaʁ'tu:n/</i> số nhiều die Cartoons	Phim hoạt hình	A1-A2
86	das Embargo C1 <i>/das ɛm'baʁgo/</i> số nhiều die Embargos	Lệnh cấm vận	B1-B2
87	die Massenmedien B2 <i>/di: 'masən,me:djən/</i>	Phương tiện truyền thông đại chúng	B1-B2
88	die Printmedien B2 <i>/di: 'pʁɪnt,me:djən/</i>	Phương tiện in ấn	B1-B2
89	der Shitstorm B2 <i>/de:ɐ̯ 'ʃɪt,stɔ:ɐ̯m/</i> số nhiều die Shitstorms	Làn sóng chỉ trích dữ dội	B1-B2
90	der Faktencheck B2 <i>/de:ɐ̯ 'faktən,tʃɛk/</i> số nhiều die Faktenchecks	Kiểm chứng thông tin	B1-B2
91	die Recherche B2 <i>/di: ʁe'ʃɛʁʃə/</i> số nhiều die Recherchen	Điều tra tư liệu	B1-B2
92	die Karikatur B2 <i>/di: kaʁɪka'tu:ɐ̯/</i> số nhiều die Karikaturen	Tranh biếm họa	B1-B2
93	die Kolumne B2 <i>/di: ko'lʊmnə/</i> số nhiều die Kolumnen	Chuyên mục	B1-B2
94	das Zitat B1 <i>/das tsi'ta:t/</i> số nhiều die Zitate	Trích dẫn	B1-B2
95	der Reporter A2 <i>/de:ɐ̯ ʁe'pɔʁtɐ/</i> số nhiều die Reporter	Phóng viên hiện trường	A1-A2
96	die Sportnachricht B1 <i>/di: 'ʃpɔʁt,na:xʁɪçt/</i> số nhiều die Sportnachrichten	Tin tức thể thao	A1-A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
97	die Fernsehshow B1 <i>/di: ˈfɛʁnzeː.ʃoː/</i> số nhiều die Fernsehshows	Chương trình truyền hình	A1–A2
98	Live A2 <i>/laɪf/</i>	Trực tiếp	A1–A2
99	Vlog B1 <i>/vlɔk/</i> der · số nhiều die Vlogs	Vlog	A1–A2
100	der Newsletter B1 <i>/deːɐ̯ ˈnjuːz,lɛtɐ/</i> số nhiều die Newsletter	Bản tin	A1–A2
101	der Share-Button B2 <i>/deːɐ̯ ˈʃɛːɡ,batʏn/</i> số nhiều die Share-Buttons	Nút chia sẻ	A1–A2
102	die Schlagzeile B1 <i>/diː ˈʃlaːk,ʃaɪlə/</i> số nhiều die Schlagzeilen	Tít lớn trang nhất	B1–B2
103	der Rundfunk B1 <i>/deːɐ̯ ˈʁʊnt,fʊŋk/</i>	Phát sóng	B1–B2
104	die Datenbank B1 <i>/diː ˈdaːtʏ,baŋk/</i> số nhiều die Datenbanken	Cơ sở dữ liệu	B1–B2
105	das Pay-TV B2 <i>/das ˈpeɪtiː,viː/</i>	Truyền hình trả tiền	A1–A2
106	die Logistik B2 <i>/diː loˈɡɪstɪk/</i>	Hậu cần	B1–B2
107	die Reichweite B2 <i>/diː ˈʁaɪç,vaɪtə/</i> số nhiều die Reichweiten	Phạm vi tiếp cận	B1–B2
108	die Reportage B2 <i>/diː ʁepɔʁˈtaːʒə/</i> số nhiều die Reportagen	Phóng sự	B1–B2
109	das Urheberrecht B2 <i>/das ˈuːɐ̯ɐːbeː,ʁɛçt/</i> số nhiều die Urheberrechte	Bản quyền	B1–B2
110	die Zensur B2 <i>/diː tsɛnˈzuːɐ̯/</i>	Kiểm duyệt	B1–B2
111	die Enthüllung C1 <i>/diː ɛntˈhʏlʊŋ/</i> số nhiều die Enthüllungen	Vụ phanh phui	B1–B2
112	der Podcast A2 <i>/deːɐ̯ ˈpɔt,kaːst/</i> số nhiều die Podcasts	Podcast	A1–A2
113	die Propaganda B2 <i>/diː pʁopaˈɡanda/</i>	Tuyên truyền	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
114	das Blog B1 <i>/das 'blɔk/</i> số nhiều die Blogs	Blog	A1–A2
115	die Filterblase C1 <i>/di: 'fɪltɐ,bla:zə/</i> số nhiều die Filterblasen	Bong bóng lọc	B1–B2
116	die Pressefreiheit B2 <i>/di: 'pʁɛsə,fʁaɪ̯haɪ̯t/</i>	Tự do báo chí	B1–B2
117	das Studio A2 <i>/das 'ʃtu:diʊ/</i> số nhiều die Studios	Phòng thu	A1–A2
118	das Mikrofon A2 <i>/das mikʁo'fo:n/</i> số nhiều die Mikrofone	Micro	A1–A2
119	die Rubrik B2 <i>/di: ʁu'brɪ:k/</i> số nhiều die Rubriken	Chuyên mục	B1–B2
120	Leaks B2 <i>/li:ks/</i> das · số nhiều die Leaks	Rò rỉ	B1–B2
121	der Whistleblower C1 <i>/de:ʁ 'wɪsl̩,blɔʁɐ/</i> số nhiều die Whistleblower	Người tố giác	B1–B2
122	Quality Paper C1 <i>/'kwɔlɪti ,peɪpə/</i> das · số nhiều die Quality Papers	Báo chất lượng cao	B1–B2
123	das Unterhaltungsmagazin B2 <i>/das ʊntɐ'haltʊŋsmaga,tʃi:n/</i> số nhiều die Unterhaltungsmagazine	Tạp chí giải trí	B1–B2
124	die Boulevardzeitung B2 <i>/di: 'bu:ləvaɪt,tʃaɪ̯tʊŋ/</i> số nhiều die Boulevardzeitungen	Báo lá cải	B1–B2
125	Live übertragen B1 <i>/laɪf y:be'tʁa:gən/</i>	Phát sóng trực tiếp	B1–B2
126	die Pressestelle B2 <i>/di: 'pʁɛsə,ʃtɛlə/</i> số nhiều die Pressestellen	Văn phòng báo chí	B1–B2
127	der Nachrichtensprecher B1 <i>/de:ʁ 'na:xʁɪçtən,ʃpʁɛçɐ/</i> số nhiều die Nachrichtensprecher	Người dẫn chương trình tin tức	B1–B2
128	die Medienkompetenz B2 <i>/di: 'me:diənkɔmpə,tɛnt͡s/</i>	Hiểu biết về truyền thông	B1–B2
129	Reuters B2 <i>/'ʁɔɪ̯tɐs/</i> das	Reuters	A1–A2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
130	Fake News B2 <i>/'fɛɪk ,nju:s/</i> die	Tin giả	A1–A2
131	der Hashtag B1 <i>/de:ɐ̯ 'hɛʃtɛk/</i> số nhiều die Hashtags	Thẻ bắt đầu bằng dấu thăng	A1–A2
132	die Bildunterschrift B1 <i>/di: 'bɪltʔɒntɐ,ʃʊɪft/</i> số nhiều die Bildunterschriften	Chú thích ảnh	B1–B2
133	der Serienplan B2 <i>/de:ɐ̯ 'ze:ʁjən,pla:n/</i> số nhiều die Serienpläne	Kế hoạch loạt bài	B1–B2
134	die Sendezeit B2 <i>/di: 'zɛndə,tʃaɪt/</i> số nhiều die Sendezeiten	Thời gian phát sóng	B1–B2
135	der Leserbrief B1 <i>/de:ɐ̯ 'le:zɐ,bʁi:f/</i> số nhiều die Leserbriefe	Thư gửi biên tập viên	B1–B2
136	die Hörerschaft C1 <i>/di: 'hø:ʁɐʃaft/</i> số nhiều die Hörerschaften	Thính giả	B1–B2
137	Trending Topic B2 <i>/'tʁɛndɪŋ ,tɔpɪk/</i> das · số nhiều die Trending Topics	Chủ đề thịnh hành	B1–B2
138	die Abonnementzahl C1 <i>/di: abɔnə'mä:,tʃa:l/</i> số nhiều die Abonnementzahlen	Số lượng đăng ký	B1–B2
139	der Kioskverkauf B2 <i>/de:ɐ̯ 'ki:ɔskfɛ̯g,kagf/</i> số nhiều die Kioskverkäufe	Bán hàng tại ki-ốt	B1–B2
140	das Pressefoto B2 <i>/das 'pʁɛsə,fɔ:to/</i> số nhiều die Pressefotos	Ảnh báo chí	B1–B2
141	die Pressemappe C1 <i>/di: 'pʁɛsə,ma:pə/</i> số nhiều die Pressemappen	Bộ tài liệu báo chí	B1–B2
142	das Archivmaterial C1 <i>/das aʁ'çi:fmateʁi,a:l/</i> số nhiều die Archivmaterialien	Tài liệu lưu trữ	B1–B2
143	das Medienhaus C1 <i>/das 'me:djən,haʊs/</i> số nhiều die Medienhäuser	Tập đoàn truyền thông	B1–B2
144	die Distribution C1 <i>/di: dɪstʁibu'tsjɔ:n/</i> số nhiều die Distributionen	Phân phối	B1–B2
145	der Spot B2 <i>/de:ɐ̯ 'spɔt/</i> số nhiều die Spots	Đoạn quảng cáo	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
146	der Skandalbericht B2 <i>/de:ɡ skan'da:lβə,ʁɪçt/</i> số nhiều die Skandalberichte	Báo cáo vụ bê bối	B1–B2
147	die Netiquette B2 <i>/di: ,neti'ketə/</i>	Phép lịch sự trên mạng	B1–B2
148	Cross-Checking C1 <i>/'kʁɔʃ,tʃɛkɪŋ/</i> das	Kiểm tra chéo	B1–B2
149	die Lokalseite B2 <i>/di: lo'ka:l,zaɪtə/</i> số nhiều die Lokalseiten	Trang địa phương	B1–B2
150	die Druckerei B1 <i>/di: dʁʊkə'ʁaɪ/</i> số nhiều die Druckereien	Công ty in ấn	B1–B2
151	das Titelblatt B2 <i>/das 'ti:tʃ,blat/</i> số nhiều die Titelblätter	Trang bìa	B1–B2
152	der Privatsender B2 <i>/de:ɡ pʁi'va:t,zende/</i> số nhiều die Privatsender	Đài truyền hình tư nhân	B1–B2
153	Feature C1 <i>/'fi:tʃə/</i> das · số nhiều die Features	Bài phóng sự dài	B1–B2
154	Longread C1 <i>/'lɔŋ,ʁi:t/</i> der · số nhiều die Longreads	Bài dài kỳ	B1–B2
155	die Multimedia-Story C1 <i>/di: 'mʊltiːme:dʒa,stɔ:ʁi/</i> số nhiều die Multimedia-Stories	Câu chuyện đa phương tiện	B1–B2
156	der Zeitraffer C1 <i>/de:ɡ 'tsaɪt,ʁaʃə/</i> số nhiều die Zeitraffer	Tua nhanh thời gian	B1–B2
157	die Zeitlupe B2 <i>/di: 'tsaɪt,lu:pə/</i> số nhiều die Zeitlupen	Chuyển động chậm	B1–B2
158	der Audiostream B2 <i>/de:ɡ 'aʊdʒiə,stʁi:m/</i> số nhiều die Audiostreams	Luồng âm thanh	B1–B2
159	der Videostream B1 <i>/de:ɡ 'vi:deə,stʁi:m/</i> số nhiều die Videostreams	Luồng video	B1–B2
160	AFP B2 <i>/a: ʔɛf 'pe:/</i> die	AFP	B1–B2
161	Dpa B2 <i>/de: pe: 'ʔa:/</i> die	Dpa	B1–B2

#	TỪ	NGHĨA	TRÌNH ĐỘ
162	die Medienplattform B2 <i>/di: 'me:diən,platfɔʁm/</i> số nhiều die Medienplattformen	Nền tảng truyền thông	B1-B2
163	Off-Record C1 <i>/ɔf 'ʊɛkɔ:ʁd/</i>	Không để đăng	B1-B2
164	Clickbait B2 <i>/'kɪk,bɛɪt/</i> der	Mồi nhấp chuột	B1-B2
165	der Leitartikel C1 <i>/de:ʁ 'laɪtʔaʁ,ti:kɪ/</i> số nhiều die Leitartikel	Bài xã luận	B1-B2
166	der Hintergrundbericht C1 <i>/de:ʁ 'hɪntəɡʁʊntbɐ,ʁɪçt/</i> số nhiều die Hintergrundberichte	Bài viết bối cảnh	B1-B2
167	360-Grad-Video B2 <i>/,dʁaɪhʊndet'zɛçtsɪç ɡʁa:t ,vi:deo/</i> das · số nhiều die 360-Grad-Videos	Video 360 độ	B1-B2
168	Interaktive Grafik B2 <i>/,ɪntɐʔak'ti:və 'ɡʁa:fɪk/</i> die · số nhiều die interaktiven Grafiken	Đồ họa tương tác	B1-B2
169	der Schnitt B2 <i>/de:ʁ 'ʃnɪt/</i> số nhiều die Schnitte	Dựng phim	B1-B2
170	die Kommentarspalte B2 <i>/di: kɔmən'ta:ɡ,ʃpaltə/</i> số nhiều die Kommentarspalten	Cột bình luận	B1-B2
171	die Community-Richtlinie B2 <i>/di: kə'mju:nəti,ʁɪçtli:nɪə/</i> số nhiều die Community-Richtlinien	Một nguyên tắc cộng đồng	B1-B2

Nghe từng từ và luyện tập miễn phí: <https://languageminute.com/vi/learn/de/topic/130-phuong-tien-truyen-thong>
German Minute: <https://apps.apple.com/app/id6749515334>